

# CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO CỦA NHẬT BẢN TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

★ TS PHẠM THANH HẰNG

*Viện Tôn giáo và tín ngưỡng,  
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

● **Tóm tắt:** Dưới góc độ xã hội học tôn giáo, Nhật Bản là một quốc gia rất độc đáo với sự hiện diện của nhiều loại hình tôn giáo khác nhau. Bài viết phân tích bức tranh về đời sống tôn giáo Nhật Bản, khái quát những vấn đề cơ bản trong chính sách tôn giáo của quốc gia này, từ đó, đúc kết một số kinh nghiệm có giá trị tham khảo hữu ích cho Việt Nam.

● **Từ khóa:** tôn giáo ở Nhật Bản, chính sách tôn giáo của Nhật Bản.

Nhật Bản là quốc gia có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời, dân số hiện nay khoảng 127 triệu người, đứng thứ 11 trên thế giới. Đây là quốc gia đa tôn giáo với sự hình thành, phát triển của nhiều loại hình tôn giáo khác nhau trong suốt chiều dài lịch sử, gồm tôn giáo nội sinh trong lòng văn hóa truyền thống dân tộc (Thần đạo), tôn giáo ngoại nhập (Phật giáo, Kitô giáo) và các hiện tượng giáo phái mới (như Aum Shinrikyo, Khoa học Hạnh phúc, Agonshu, Chân Quang giáo, Hiệp hội Chân lý linh thiêng). Các tôn giáo cùng tồn tại, ảnh hưởng lẫn nhau và để lại dấu ấn sâu đậm trong truyền thống văn hóa của người dân Nhật Bản. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, chính sách tôn giáo của Nhật Bản có nhiều thay đổi. Nhật Bản đã đạt được những thành tựu to lớn về xây dựng hệ thống pháp chế tôn giáo và tạo ra mô hình Nhà nước thế tục và pháp quyền về tôn giáo.

## 1. Khái quát về đời sống tôn giáo ở Nhật Bản

Đời sống tôn giáo của người dân Nhật Bản tương đối phong phú và đa dạng. Tại Nhật Bản không chỉ có các đền, chùa, nhà thờ của Phật giáo, Công giáo, Tin Lành mà ở các thành phố hay vùng nông thôn hẻo lánh đều tồn tại hệ thống đền miếu của Thần đạo. Người Nhật có thể tin theo Thần đạo, Phật giáo, Công giáo, Tin lành hoặc cùng một lúc là tín đồ của nhiều tôn giáo khác nhau.

Quá trình hình thành các tôn giáo ở Nhật Bản chịu sự chi phối sâu sắc của các điều kiện địa lý tự nhiên, cơ sở kinh tế - xã hội và yếu tố văn hóa. Trong đó, có những thời điểm văn hóa ngoại lai xâm nhập, ảnh hưởng, làm lung lay giá trị truyền thống và tinh thần chủ nghĩa dân tộc, song, xét đến cùng, yếu tố bản địa vẫn giữ vai trò quyết định, khiến quá trình tiếp thu yếu tố ngoại lai luôn có sự kế thừa, chọn lọc, thậm chí cải biến cho phù hợp với nền tảng truyền thống của

người Nhật Bản. Kết quả của quá trình hỗn dung, vay mượn và xung đột lẫn nhau giữa yếu tố nội sinh và yếu tố ngoại sinh là sự chiến thắng của yếu tố nội sinh, tạo nên sự bổ sung, bồi đắp đồng thời củng cố vững chắc hơn bản sắc tinh thần cốt lõi của người dân Nhật Bản. Sự xác lập ổn định vị thế của Thần đạo trong bối cảnh đa tôn giáo ở Nhật Bản là minh chứng sống động cho sự chiến thắng của tinh thần chủ nghĩa dân tộc và bản sắc văn hóa của quốc gia này.

Trong sự đa dạng tôn giáo, đời sống tôn giáo ở Nhật Bản hàm chứa những đặc điểm riêng. Đó là sự tồn tại hỗn hợp nhưng hòa hợp giữa các tôn giáo; sự chi phối của Thần đạo với đặc tính của chủ nghĩa dân tộc; sự giao thoa, đồng đẳng Thần Phật và sự nở rộ của các tôn giáo mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai tác động lớn đến đời sống xã hội Nhật Bản.

Theo số liệu thống kê năm 2018, 69% dân số Nhật Bản thực hành Thần đạo, 66,7% thực hành Phật giáo, 1,5% thực hành Cơ đốc giáo và 6,2% thực hành các tôn giáo khác (nhiều người thực hành cả Thần đạo và Phật giáo)<sup>(1)</sup>.

Bức tranh sống động về đời sống tôn giáo ở Nhật Bản chính là căn cứ thực tiễn quan trọng để quốc gia này đưa ra hệ thống pháp lý nhằm điều tiết và giải quyết vấn đề tôn giáo.

## **2. Chính sách tôn giáo của Nhật Bản thời kỳ hiện đại (từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai năm 1945 đến nay)**

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản từng bước thiết lập hệ thống pháp luật về tôn giáo ở nhiều cấp độ, bao gồm: Hiến pháp, Luật cơ bản, Luật đặc biệt, Sắc lệnh nội các, Chỉ thị,... Thông qua việc thực thi pháp luật, các nguyên tắc trừu tượng, các quy phạm pháp luật được cụ thể hóa trong đời sống xã hội, góp phần phát huy vai trò của tôn giáo trong việc thiết lập và duy trì trật tự xã hội. Mô hình nhà nước pháp

quyền tôn giáo này tuân theo phương thức lấy luật pháp làm trung tâm và chính sách giữ vai trò hỗ trợ, duy trì được các đặc điểm của hệ thống pháp luật kiện toàn, các thể chế hỗ trợ hoàn chỉnh và cách diễn giải tư pháp bắt kịp với thời đại, do đó làm cho nhà nước pháp quyền về tôn giáo của Nhật Bản đạt đến trình độ phát triển khá cao.

Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, Nhật Bản phải chịu sự chiếm đóng của lực lượng đồng minh (chủ yếu là Mỹ). Dưới sức ép của Mỹ, thể chế “Tế chính nhất trí” (thống nhất tôn giáo và chính phủ) của Nhật Bản hình thành từ thời Minh Trị đã thay đổi nhanh chóng và căn bản, thay vào đó, xuyên suốt chính sách tôn giáo của Chính phủ Nhật Bản thời kỳ này là sự thiết lập hai nguyên tắc cơ bản - tự do tôn giáo và chính giáo phân ly (sự tách biệt giữa chính trị với tôn giáo, giữa Nhà nước với giáo hội).

Ngày 15-12-1945, Sắc lệnh về Thần đạo (tên đầy đủ là Cấm hỗ trợ, ủng hộ, duy trì, điều hành và phổ biến Thần đạo quốc gia) đánh dấu việc bãi bỏ chính sách Thần đạo quốc gia trước đó. Sắc lệnh này đưa ra ba nguyên tắc chung về quản lý tôn giáo là: (1) Tự do tôn giáo, (2) Triệt để phân ly giữa tôn giáo và nhà nước, (3) Triệt để loại bỏ tư tưởng chủ nghĩa quân phiệt và tư tưởng dân tộc chủ nghĩa cực đoan<sup>(2)</sup>.

Ngày 28-12-1945, quân đội đồng minh tiếp tục ban hành “Sắc lệnh Pháp nhân tôn giáo”. Ngoài việc bãi bỏ các đặc quyền của các đền thờ Thần đạo, nội dung chủ yếu mà Sắc lệnh hướng tới là: thủ tục thành lập pháp nhân tôn giáo dễ dàng và các pháp nhân tôn giáo được ưu đãi về thuế. Với “Sắc lệnh Pháp nhân tôn giáo”, nguyên tắc tách biệt giữa Nhà nước và tôn giáo tiếp tục được củng cố.

Từ “Sắc lệnh Thần đạo” cho đến “Sắc lệnh Pháp nhân tôn giáo” là sự chuẩn bị về mặt lập

pháp cho sự ra đời của Hiến pháp Nhật Bản (ban hành vào tháng 11-1946 và chính thức có hiệu lực từ ngày 3-5-1947). Chính sách chính giáo phân ly được quy định trong Hiến pháp đã chấm dứt sự can dự của Nhà nước vào các công việc của tổ chức tôn giáo, quyền tự do tôn giáo đã được bảo đảm thực chất. Cụ thể:

Điều 20 Hiến pháp Nhật Bản quy định: Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng đối với mọi người. Không một tổ chức tôn giáo nào được hưởng các đặc quyền từ phía nhà nước hoặc thực hiện các quyền chính trị (Khoản 1); Không ai bị buộc phải tham gia vào các hoạt động tôn giáo, lễ kỷ niệm, lễ nghi tôn giáo (Khoản 2); Nhà nước và các cơ quan của Nhà nước không được phổ biến giáo dục tôn giáo và không được tiến hành bất kỳ hoạt động tôn giáo nào khác (Khoản 3)<sup>(3)</sup>.

Điều 89 Hiến pháp Nhật Bản thiết lập nguyên tắc tách biệt giữa tôn giáo và nhà nước, quy định cụ thể: công quỹ và các tài sản khác của nhà nước không được sử dụng nhằm mục đích mang lại lợi ích hoặc duy trì hoạt động của một tổ chức hay hiệp hội tôn giáo; không được sử dụng cho các hoạt động từ thiện, giáo dục công ích mà không đặt dưới sự kiểm soát của chính quyền<sup>(4)</sup>.

Có thể nói, quy định tại Điều 20 và Điều 89 của Hiến pháp Nhật Bản về nguyên tắc tự do tôn giáo và nguyên tắc tách biệt giữa tôn giáo và nhà nước chính là nền tảng của toàn bộ hệ thống pháp luật tôn giáo Nhật Bản.

Bên cạnh Hiến pháp, quy định về vấn đề tôn giáo còn được thể hiện trong các Luật cơ bản của Nhật Bản như Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Giáo dục cơ bản,...

Bên cạnh đó, Luật đặc biệt về tôn giáo là Luật Pháp nhân tôn giáo đã được ban hành năm 1951, nhằm hướng tới bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các tổ chức tôn giáo, ngăn chặn tổ chức tôn giáo hoạt động bất hợp pháp, cản trở lợi ích của

các cá nhân, tổ chức xã hội và cộng đồng. Việc ban hành Luật Pháp nhân tôn giáo một lần nữa cho thấy chính sách không can thiệp vào nội bộ các tổ chức tôn giáo của Nhà nước và sự thừa nhận tư cách pháp nhân của các tổ chức tôn giáo dựa trên pháp luật từ phía Nhà nước Nhật Bản. Các tổ chức tôn giáo đáp ứng đầy đủ các điều kiện của Luật định (như có mục đích thành lập giáo phái, điều lệ, trụ sở hoạt động, danh sách thành viên của giáo phái,...) và báo cáo rõ với cơ quan có thẩm quyền thì có thể trở thành một pháp nhân tôn giáo. Với sự hiện diện của Luật Pháp nhân tôn giáo, các tổ chức tôn giáo dù được hoạt động tự do nhưng đó phải là tự do trong khuôn khổ của pháp luật chứ không phải tự do một cách tùy tiện.

Luật Pháp nhân tôn giáo của Nhật Bản gồm 10 chương và 89 điều, có thể chia thành năm phần bao gồm những quy định chung (Chương I), thành lập và quản lý pháp nhân tôn giáo (Chương II-VII), hội đồng pháp nhân tôn giáo (Chương VIII), tài sản của pháp nhân tôn giáo (tồn tại rải rác trong 1 số điều khoản của các chương), những điều khoản bổ sung và quy định về hình phạt (chương IX-X). Luật Pháp nhân tôn giáo tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc tự do tôn giáo và nguyên tắc tách biệt tôn giáo và nhà nước do Hiến pháp Nhật Bản thiết lập.

Kể từ khi được ban hành năm 1951, để phù hợp với sự phát triển của điều kiện xã hội và hoạt động tôn giáo, Luật Pháp nhân tôn giáo đã trải qua 25 lần sửa đổi, trong đó lần sửa đổi lớn nhất là năm 1996, sau sự kiện giáo phái Chân lý Aum gây ra “sự cố khí độc Sarin” ở Matsumoto ngày 27-6-1994 và “sự cố khí độc Sarin” ở tàu điện ngầm Tokyo ngày 20-3-1995. Nội dung sửa đổi Luật Pháp nhân tôn giáo chủ yếu tập trung vào hai khía cạnh: (1) Tăng cường sự kiểm tra, giám sát của Nhà nước đối

với các tổ chức tôn giáo bên cạnh việc duy trì và củng cố năng lực tự quản bên trong của các tổ chức tôn giáo; (2) Yêu cầu các tổ chức tôn giáo công khai hóa, minh bạch hóa vấn đề tài chính, mà thực chất là muốn nắm bắt năng lực tài chính của tổ chức tôn giáo để đánh giá được mức độ nguy hiểm của tổ chức đó. Như vậy, sự thay đổi trong cả hai khía cạnh trên của Luật Pháp nhân tôn giáo đều tập trung hướng tới việc nâng cao thẩm quyền và khả năng kiểm soát của cơ quan quản lý hành chính đối với các tổ chức tôn giáo.

Ngoài sửa đổi Luật Pháp nhân tôn giáo, một loạt bộ luật quan trọng đã được ban hành sau sự kiện của giáo phái Chân lý Aum, gọi chung là Đạo luật Aum. Tiêu biểu như: Luật Phòng chống Sarin, Luật điều chỉnh các đoàn thể thực hiện hành vi giết người hàng loạt, Luật Ngoại lệ đặc biệt đối với Aum,...

Xét cho cùng, sự sửa đổi, bổ sung này thực chất nhằm tăng cường khả năng quản lý, kiểm soát của nhà nước đối với hoạt động của các tổ chức tôn giáo đang có nhiều biểu hiện của tổ chức tội phạm đe dọa an ninh quốc gia; góp phần ngăn chặn kịp thời những tác động tiêu cực mà các giáo phái này có thể gây ra cho đời sống xã hội. Trước nhiều biểu hiện mới và vấn đề mới diễn ra trong đời sống tôn giáo và đời sống xã hội, sự thay đổi này trong chính sách tôn giáo của Chính phủ Nhật Bản là rất cần thiết và là một tất yếu khách quan.

### **3. Một số kinh nghiệm đúc kết từ chính sách tôn giáo của Nhật Bản**

Nghiên cứu quá trình phát triển chính sách tôn giáo của Nhật Bản cho thấy sự thay đổi lớn trong quan niệm lập pháp về vấn đề tôn giáo tại quốc gia này. Đó là, quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo không ngừng được mở rộng, quyền lực của chính phủ trong việc cưỡng chế các tôn giáo dần

bị thu hẹp và cuối cùng, các khái niệm về tự do tôn giáo, sự tách biệt giữa chính trị và tôn giáo, sự tách biệt giữa tính thiêng liêng và tính thế tục đã được thiết lập đầy đủ hơn, rõ ràng hơn.

Những thành công trong chính sách tôn giáo của Nhật Bản có thể khái quát trên một số khía cạnh như sau:

*Một là, chính sách tôn giáo của Nhật Bản đã hình thành một cấu trúc hoàn chỉnh và khuôn khổ rõ ràng với hai chân đế là tự do tôn giáo và chính giáo phân ly*

Chính sách tôn giáo của Nhật Bản được cụ thể hóa trong hệ thống pháp luật tạo ra nền tảng chuẩn mực cho việc thực thi trong thực tiễn. Hệ thống luật pháp tôn giáo từ Hiến pháp đến các luật cơ bản, luật đặc biệt, sắc lệnh nội các,... được định hình một cách rõ ràng, có hệ thống, cấu trúc hợp lý, dựa trên hai nguyên tắc chính là tự do tôn giáo và chính giáo phân ly.

Sự ghi nhận quyền *tự do tôn giáo* trong các văn bản quy phạm pháp luật phản ánh lời tuyên bố và cam kết của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền tự do tôn giáo cho mọi người. Chính sách tự do tôn giáo cho phép mọi người dân Nhật Bản tự do lựa chọn tôn giáo mà mình muốn theo và thực hành các nghi thức của tôn giáo đó.

*Chính giáo phân ly* là nguyên tắc cơ bản để điều chỉnh mối quan hệ giữa tôn giáo với Nhà nước ở Nhật Bản. Trong nguyên tắc chính giáo phân ly, đáng lưu ý hơn cả là *sự phân tách giữa tính thiêng liêng và tính thế tục*, bởi khi phân định được rạch ròi hai phạm trù này, Nhà nước sẽ tránh được khuynh hướng can thiệp sâu vào các hoạt động thuần túy tôn giáo của tổ chức tôn giáo đồng thời có sự giám sát, quản lý cần thiết đối với các hoạt động mang tính thế tục của tổ chức tôn giáo.

*Hai là, chính sách tôn giáo góp phần giải quyết thỏa đáng, toàn diện và có hệ thống mối*

*quan hệ trong nội bộ tổ chức tôn giáo và mối quan hệ giữa tổ chức tôn giáo với các chủ thể trong xã hội*

Luật Pháp nhân tôn giáo, với tư cách là bộ luật đặc biệt về tôn giáo, tuy ngắn gọn nhưng khá rõ ràng, tạo thành một hệ thống logic khép kín. Về cơ bản, Luật Pháp nhân tôn giáo thiết lập bốn chế độ cơ bản là chế độ chứng nhận, chế độ người chịu trách nhiệm, chế độ thông báo công khai và chế độ Hội đồng Pháp nhân tôn giáo.

Chế độ chứng nhận là một điểm lớn trong hệ thống pháp luật tôn giáo Nhật Bản nhằm thực hiện các nguyên tắc hiến định về tự do tôn giáo, tự do hiệp hội, chính giáo phân ly. Chứng nhận pháp nhân tôn giáo có nghĩa là trước khi đăng ký, cơ quan cấp giấy chứng nhận kiểm tra tính xác thực, tính hợp pháp và hiệu lực pháp lý của việc thành lập, thay đổi và giải thể của các tổ chức tôn giáo dựa trên đơn đăng ký của tổ chức tôn giáo hoặc pháp nhân tôn giáo phù hợp với các điều kiện và thủ tục theo luật định, từ đó xác nhận và tuyên bố hành vi hành chính.

Chế độ chứng nhận phản ánh sự giao thoa và cân bằng giữa các mối quan hệ tôn giáo và xã hội; thể hiện rõ ràng ý tưởng, mục đích của lập pháp là bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức tôn giáo và tín đồ đồng thời hạn chế nghiêm ngặt quyền lực hành chính can thiệp vào công việc nội bộ của tổ chức tôn giáo.

*Chế độ người chịu trách nhiệm* là một trong những nội dung quan trọng của việc đăng ký pháp nhân tôn giáo theo quy định của Luật Pháp nhân tôn giáo. Chế độ người chịu trách nhiệm giải quyết mối quan hệ trong nội bộ của tổ chức tôn giáo, phát huy tính tự quản, tự chịu trách nhiệm của pháp nhân tôn giáo. Trong đó, xác định thẩm quyền của người chịu trách nhiệm của pháp nhân tôn giáo trong các hoạt động mang tính thể tục và giới hạn quyền lực của họ

trong các hoạt động thuộc phạm trù mang tính thiêng liêng của pháp nhân đó.

*Chế độ thông báo công khai* là một trong những hoạt động không thể thiếu đối với pháp nhân tôn giáo. Chế độ này đề cập đến yêu cầu thông báo cho các bên quan tâm khi thành lập pháp nhân hoặc thay đổi các điều khoản của hiệp hội, chủ yếu bao gồm thông báo công khai trước công luận bản điều lệ thành lập của pháp nhân tôn giáo; thông báo công khai về xử lý tài sản; thông báo công khai về đăng ký của pháp nhân tôn giáo; thông báo công khai về sáp nhập, chia tách, giải thể pháp nhân tôn giáo. Việc triển khai chế độ thông báo công khai bảo đảm sự minh bạch, hợp lý trong quá trình hoạt động của pháp nhân tôn giáo (đặc biệt là việc quản lý và sử dụng tài sản một cách hợp lý), bảo đảm pháp nhân tôn giáo hoạt động trong phạm vi của hiến chương, điều lệ và các quy định của pháp luật; đồng thời giúp các tín đồ và các bên liên quan biết và giám sát quá trình hoạt động của pháp nhân tôn giáo.

*Hội đồng Pháp nhân tôn giáo* là một chế độ tương thích với chế độ chứng nhận pháp nhân tôn giáo. Đây là cơ quan tư vấn đặc biệt do Chính phủ thành lập nhằm điều tra và xác nhận tư cách pháp nhân tôn giáo của các nhóm tôn giáo. Chế độ này bảo đảm cơ chế chứng thực chính xác, công bằng và khách quan đối với pháp nhân tôn giáo; tránh tình trạng lợi dụng quyền lực công và ý chí chủ quan của cán bộ xét duyệt trong việc chấp thuận thành lập pháp nhân tôn giáo. Hội đồng Pháp nhân tôn giáo là một chế độ quan trọng bảo đảm quyền tự do tôn giáo và sự tách biệt giữa tôn giáo và nhà nước.

*Ba là, địa vị pháp lý dân sự của tổ chức tôn giáo được bảo đảm đầy đủ*

Luật Pháp nhân tôn giáo hướng đến mục đích bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo

của mọi người dân, không chỉ quy định điều kiện thành lập mà còn quy định một cách toàn diện về trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của các pháp nhân tôn giáo trong quá trình hoạt động. Với việc được công nhận tư cách pháp nhân, các tổ chức tôn giáo ở Nhật Bản có đầy đủ địa vị pháp lý dân sự trước pháp luật. Cụ thể hơn, Luật Pháp nhân tôn giáo định rõ các thủ tục pháp lý cần thiết để trao cho tổ chức tôn giáo các năng lực hành vi với tư cách là chủ thể dân sự trong xã hội, trong đó đưa ra các quy định về sở hữu, duy trì và sử dụng tài sản trong các hoạt động thế tục của tổ chức tôn giáo, còn các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật.

*Bốn là, chế độ tài sản của tổ chức tôn giáo được quy định rõ ràng, kết hợp với chế độ quản lý, giám sát, bảo đảm việc sử dụng và quản lý tài sản hợp pháp*

Trong các quyền dân sự, quyền tài sản là hạt nhân cốt lõi. Trong Luật Pháp nhân tôn giáo, *từ mục đích lập pháp của chế độ tài sản tôn giáo, quyền sở hữu tài sản tôn giáo cho đến phạm vi khách thể và địa vị pháp lý của quyền sở hữu tài sản tôn giáo* đều được quy định rất rõ ràng. Những nội dung này tạo cơ sở nền tảng cho sự tồn tại của các tổ chức tôn giáo và sự phát triển của các hoạt động tôn giáo, đồng thời bảo đảm thực hiện quyền tự do tôn giáo.

Bên cạnh đó, Chính phủ Nhật Bản cũng *thiết lập hệ thống quản lý, giám sát tài sản* nhằm bảo đảm việc sử dụng và quản lý tài sản tôn giáo một cách hợp pháp. Điều 18 Luật Pháp nhân tôn giáo quy định: pháp nhân tôn giáo phải lựa chọn nhân viên đại diện và nhân viên có trách nhiệm) và họ sẽ trở thành những người chịu trách nhiệm quản lý, vận hành tài sản tôn giáo ở cấp độ thế tục. Để người quản lý thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật và của tổ chức tôn

giáo, tránh xảy ra thiệt hại về tài sản, các tổ chức tôn giáo thường thành lập cơ quan giám sát như trưởng đại diện để giám sát hành vi nghiệp vụ của người quản lý. Kết quả là sự ra đời của hệ thống quản lý bao gồm các cơ quan ra quyết định, cơ quan điều hành và cơ quan giám sát phân công, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau.

*Năm là, chính sách tôn giáo thể hiện tính linh hoạt, nhạy bén khi được điều chỉnh kịp thời để phản ứng nhanh với những tình huống tôn giáo phức tạp, nhạy cảm*

Chính phủ Nhật Bản thể hiện rõ khuynh hướng ưu tiên “lập pháp hóa” trong quá trình quản lý các vấn đề tôn giáo, đặc biệt là khi đối mặt với các vấn đề tôn giáo nhạy cảm. Ngoài việc cố gắng điều chỉnh các chuyển biến chính thức đến Yasukuni thông qua các biện pháp tư pháp, khi đối mặt với những sự cố bất ngờ và nguy hiểm như “sự cố khí độc Sarin ở thành phố Matsumoto” và “sự cố khí độc Sarin ở tàu điện ngầm Tokyo”, Chính phủ Nhật Bản không nóng vội áp dụng các quy định bất thường ngoài luật mà nhanh chóng xây dựng một loạt bộ Luật với mục đích đối phó với các vấn đề liên quan đến giáo phái Chân lý Aum (gọi chung là Đạo luật Aum). Đạo luật Aum được ban hành đã đưa vấn đề giáo phái Chân lý Aum vào quỹ đạo pháp trị của nhà nước pháp quyền một cách nhanh chóng, hiệu quả. Mặc dù phương thức giải quyết tình thế này có thể khiến hệ thống pháp luật không ổn định và dễ thay đổi, nhưng so với việc áp dụng các chính sách và các biện pháp bất thường khác, quan điểm lập pháp này phù hợp hơn cả với khuynh hướng lập pháp hóa công tác quản lý của Nhà nước đối với tôn giáo.

Đặc biệt, ngoài việc ban hành bổ sung Đạo luật Aum, Chính phủ Nhật Bản cũng tiến hành sửa đổi Luật Pháp nhân tôn giáo. Sự sửa đổi Luật

Pháp nhân tôn giáo năm 1996 cho thấy Chính phủ Nhật Bản đã có những chuyển hướng chính sách quan trọng, mang tính đột phá để thích ứng với tình hình tôn giáo cụ thể và hoàn cảnh chính trị - xã hội trong nước.

*Sáu là, chính sách tôn giáo vừa phát huy vai trò tự quản của tổ chức tôn giáo theo hướng dân chủ hóa vừa thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát phù hợp của chính quyền theo hướng lập pháp hóa*

Kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, luật pháp tôn giáo Nhật Bản luôn dựa trên hai nguyên tắc nhất quán là tự do tôn giáo và chính giáo phân ly. Luật Pháp nhân tôn giáo thể hiện ở mức độ cao nhất việc bảo đảm thực hiện tự do tôn giáo, tách biệt nhà nước và tôn giáo, tách biệt “tính thiêng liêng” và “tính thế tục”, tôn trọng quyền dân chủ, tự quản của pháp nhân tôn giáo. Trong đó, chế độ nhân viên có trách nhiệm, chế độ Hội đồng Pháp nhân tôn giáo thể hiện các nguyên tắc dân chủ và bình đẳng, đồng thời bảo đảm về thể chế cho sự phát triển của tôn giáo ở Nhật Bản. Song song với quá trình đó, cơ chế giám sát và tăng thẩm quyền của Nhà nước trong một số phương diện hoạt động của tổ chức tôn giáo cũng được thiết lập. Nhất là sau sự cố Aum Shinrikyo năm 1995, Chính phủ Nhật Bản đã có những sửa đổi lớn đối với Luật Pháp nhân tôn giáo nhằm tăng cường sự quản lý đối với các tổ chức tôn giáo trên cơ sở tôn trọng tính tự giác của các tổ chức đó.

Tuy nhiên, bên cạnh thành tựu, chính sách tôn giáo của Nhật Bản còn tồn tại một số hạn chế nhất định. Đó là sự can dự của tổ chức tôn giáo vào đời sống chính trị Nhật Bản và sự can thiệp, hỗ trợ của Nhà nước Nhật Bản đối với các hoạt động tôn giáo khiến cho việc thực hiện nguyên tắc chính giáo phân ly chưa thực sự triệt để trong thực tiễn, đôi khi mâu thuẫn với quy

định của pháp luật, gây ra nhiều tranh cãi. Bên cạnh đó, Luật Pháp nhân tôn giáo còn tồn tại một số điểm chưa được quy định cụ thể, chính sách của Chính phủ Nhật Bản đối với các tôn giáo mới mang tính chất cực đoan có phần khoan dung, chưa thực sự mạnh mẽ.

Trải qua quá trình lịch sử lâu dài đúc kết kinh nghiệm, chỉnh sửa, bổ sung và không ngừng hoàn thiện, hệ thống chính sách tôn giáo của Nhật Bản hàm chứa những giá trị tích cực rất đáng ghi nhận mặt khác vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định, đặt ra nhiều thách thức lớn cho Chính phủ Nhật Bản trong thế kỷ XXI. Đánh giá những thành tựu và hạn chế trong chính sách tôn giáo của Nhật Bản mang lại những bài học có giá trị tham khảo hữu ích đối với Việt Nam trong quá trình hoàn thiện bộ luật tôn giáo có giá trị pháp lý cao nhất là Luật Tín ngưỡng, tôn giáo tương thích với Hiến pháp và các bộ luật có liên quan, nhằm hướng tới hoàn thiện hệ thống pháp luật tôn giáo và xây dựng thành công mô hình Nhà nước thế tục, pháp quyền về tôn giáo phù hợp với điều kiện của Việt Nam □

*Ngày nhận bài: 27-8-2021; Ngày phản biện: 23-9-2021; Ngày duyệt đăng: 22-10-2021.*

(1) Dẫn theo: *Religion in Japan*, <https://en.wikipedia.org>.

(2) Phạm Hồng Thái (chủ biên): *Đời sống tôn giáo Nhật Bản hiện nay*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2005, tr.151.

(3), (4) Xem: Huang Xiaolin: *Lịch sử lập pháp và những thay đổi về khái niệm của các tổ chức tôn giáo thời kỳ cận hiện đại ở Nhật Bản*, Tạp chí *Nghiên cứu về các vấn đề của Nhật Bản*, số 1, 2017, tr.19, 19.